

Ảnh hưởng của Cảm nhận tham nhũng tới tinh thần doanh nhân: Nghiên cứu trường hợp các cơ sở kinh doanh lưu trú ở Việt Nam

HOÀNG VĂN HẢO*

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu mối quan hệ giữa Cảm nhận tham nhũng và Tinh thần doanh nhân. Với dữ liệu thu được từ 252 cơ sở lưu trú (CSLT) ở Việt Nam, tác giả sử dụng phương pháp định lượng bao gồm một số công cụ chính, như: kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy tuyến tính để đánh giá ảnh hưởng của Cảm nhận tham nhũng tới Tinh thần doanh nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Cảm nhận tham nhũng ảnh hưởng thuận chiều tới cả Tinh thần đổi mới sáng tạo và việc Chấp nhận rủi ro trong kinh doanh.

Từ khóa: kinh doanh lưu trú, cảm nhận tham nhũng, tinh thần doanh nhân

Summary

This article examines the relationship between Corruption perception and Entrepreneurship. With data collected from 252 accommodation establishments in Vietnam, the author uses quantitative methods with some main tools such as measure of scale reliability, exploratory factor analysis and linear regression analysis to assess the effect of Corruption perception on Entrepreneurship. The outcome shows that Corruption perception creates a positive impact on both Spirit of innovation and creativity and Risk acceptance.

Keywords: accommodation business, corruption perception, entrepreneurship

GIỚI THIỆU

Du lịch đã đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của đất nước, trong đó phải kể đến hoạt động của các CSLT. Bên cạnh hệ thống khách sạn được xếp hạng từ một đến năm sao, các khu nghỉ dưỡng cao cấp tiêu chuẩn quốc tế, còn nhiều các CSLT chưa được xếp hạng. Trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động của các doanh nghiệp du lịch nói chung, các CSLT nói riêng gặp không ít khó khăn. Sự sụt giảm doanh thu đã ảnh hưởng tới duy trì hoạt động của các cơ sở, cũng như khả năng đầu tư, phát triển. Hơn lúc nào hết, tinh thần doanh nhân của lãnh đạo, quản lý các CSLT có ý nghĩa sống còn với sự tồn tại, đổi mới và phát triển của các khách sạn, cơ sở kinh doanh.

Các nghiên cứu trước đây mới chỉ nghiên cứu ảnh hưởng của các đặc điểm

cá nhân của doanh nhân tới tinh thần trong quản lý, điều hành doanh nghiệp của họ. Những cảm nhận của họ về thể chế, về môi trường kinh doanh ít được đề cập, nghiên cứu. Những cảm nhận về tham nhũng có thể có ảnh hưởng tới các quyết sách của họ. Nghiên cứu này tập trung vào việc nghiên cứu ảnh hưởng của cảm nhận tham nhũng của doanh nhân, với phạm vi là nhà đầu tư, quản lý các CSLT xếp hạng từ ba sao trở xuống. Đây là các CSLT có nhiều đặc điểm tương đồng về quy mô, công nghệ.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Cho đến nay, đã có khá nhiều nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về tinh thần doanh nhân. Tinh thần doanh nhân đề cập tới các hành động thực tế và quá trình ra quyết định để đổi mới doanh nghiệp (Lumpkin và Dess, 1996). Nó thể hiện có các quyết sách và hành động thực tế, tiến để để ra các quyết định kinh doanh. Tinh thần doanh nhân có thể được

* TS., Trường Đại học Công đoàn

Ngày nhận bài: 17/7/2020; Ngày phân biên: 15/8/2020. Ngày duyệt đăng: 21/8/2020

BẢNG 1: CÁC BIẾN ĐO LƯỜNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU

TIÊU CHÍ	Ký hiệu
Tinh thần doanh nhân - Đổi mới sáng tạo	
CSLT của tôi rất coi trọng các hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới và ứng dụng công nghệ	TTDN1
CSLT của tôi đã giới thiệu nhiều dịch vụ lưu trú trong thời gian qua	TTDN2
Những thay đổi về dịch vụ của chúng tôi thường là những thay đổi đáng kể	TTDN3
Tinh thần doanh nhân - Chấp nhận rủi ro	
CSLT của tôi ưu tiên những khả năng mang lại kết quả/lợi nhuận hấp dẫn	TTDN4
Do đặc điểm của môi trường kinh doanh, để đạt được mục tiêu đề ra, việc thực hiện những hoạt động táo bạo là cần thiết đối với CSLT của tôi	TTDN5
Để giảm thiểu khả năng ra quyết định sai lầm, khi gặp phải tình huống có yếu tố không chắc chắn trong kinh doanh, đặc trưng của CSLT của tôi là thận trọng, để xem đã	TTDN6
Cảm nhận tham nhũng	
Tôi cho rằng việc bôi trơn là cách hiệu quả để đạt được bất cứ điều gì	CNTN1
Tôi cho rằng việc bôi trơn là cách hiệu quả để tác động lên hệ thống pháp luật	CNTN2
Hầu hết kinh doanh đều phải lách luật để tồn tại	CNTN3
Nếu không có mối quan hệ với quan chức, thì chẳng thể có được thành công trong kinh doanh	CNTN4
Bôi trơn là cách hiệu quả giải quyết các vấn đề với cảnh sát/công an	CNTN5
Bôi trơn là cách hiệu quả để chiếm dụng tiền và tài sản công của Nhà nước	CNTN6

Nguồn: Tác giả tổng hợp

BẢNG 2: TỔNG HỢP GIÁ TRỊ CRONBACH'S ALPHA CỦA THANG ĐO ĐỀ XUẤT

Nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha	Số biến quan sát
Tinh thần doanh nhân về đổi mới sáng tạo	0,750	3
Tinh thần doanh nhân về chấp nhận rủi ro	0,797	3
Cảm nhận tham nhũng	0,806	6
Tổng số biến quan sát		12

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát của tác giả, 2020

xem xét ở 3 khía cạnh là: (i) Dám chấp nhận rủi ro; (ii) Hành động một cách chủ động, tiên phong; (iii) Hành động sáng tạo, đổi mới (Miller, 1983). Các nghiên cứu về phạm vi của khái niệm này, tuy có sự khác nhau, nhưng cũng có những điểm tương đồng. Các khái niệm này thường đề cập tới việc đổi mới, tính chủ động, tạo áp lực cạnh tranh và chấp nhận rủi ro. Vai trò quan trọng của tinh thần doanh nhân không chỉ đối với doanh nghiệp, mà còn góp phần phát triển môi trường địa phương, quốc gia. Các nhân tố ảnh hưởng tới tinh thần doanh nhân được chỉ ra, như: Nền tảng giáo dục; Yếu tố gia đình; Kinh nghiệm; Mong muốn và Các đặc điểm nhân khẩu học.

Tham nhũng được xem là việc lạm dụng quyền lực để đạt được lợi ích cá nhân trong bộ máy công quyền (Traikova và cộng sự, 2017). Hiện tượng tham nhũng

khiến cho các doanh nghiệp gặp phải những khó khăn, rủi ro trong kinh doanh. Chính phủ các quốc gia luôn nỗ lực đưa ra nhiều chính sách, hành động nhằm làm giảm vấn nạn này ở quốc gia mình, để góp phần làm lành mạnh môi trường hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế. Tham nhũng được coi là nhân tố có ảnh hưởng tới các quyết định quản trị của doanh nghiệp.

**Phương pháp nghiên cứu
Đề xuất thang đo**

Trong nghiên cứu này, thang đo về tinh thần doanh nhân được đo lường thông qua 6 biến quan sát trong các nghiên cứu của Miller và Friesen (1982)

và Covin và Slevin (1989) để tập trung vào hai vấn đề đối mới sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Đây là 2 khía cạnh nổi bật nhất, được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu. Bên cạnh đó, thang đo về cảm nhận tham nhũng được đề xuất trong nghiên cứu này là của Traikova và cộng sự (2017) với 6 biến đo lường. Nội dung của các biến đo lường đã được chỉnh sửa đảm bảo dễ hiểu và dễ phù hợp với bối cảnh nghiên cứu (Bảng 1).

Mẫu và phương pháp khảo sát

Khảo sát được tiến hành đối với các CSLT du lịch ở 5 tỉnh, thành phố, gồm: Hà Nội, Quảng Ninh, Lào Cai, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh. Tác giả tiến hành khảo sát đối với các CSLT từ 3 sao trở xuống nhằm hạn chế sự khác biệt về quy mô, công nghệ cung cấp dịch vụ của các CSLT được khảo sát. Tác giả gửi phiếu khảo sát tới các cơ sở kinh doanh thông qua thư điện tử để đảm bảo tính nhanh chóng trong thu thập dữ liệu và đã nhận lại 252 phiếu trả lời. Sau khi thu thập xong, 252 phiếu đã được nhập dữ liệu để phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS 25.0. Khảo sát được thực hiện trong nửa đầu năm 2020.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Các hệ số mối quan hệ giữa biến quan sát và biến tổng đều lớn hơn 0,3. Kết quả kiểm định cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6 (Bảng 2). Như vậy, thang đo của các nhóm nhân tố có giá trị tin cậy cao, trong đó thang đo giá trị về Cảm nhận tham nhũng với 6 biến quan sát có Cronbach's Alpha cao nhất là 0,806. Như vậy, kiểm định kết luận, hệ thống thang đo được xây dựng gồm các thang đo đảm bảo chất lượng tốt với 12 biến quan sát.

Kết quả phân tích EFA

Kết quả phân tích EFA lần 1 cho thấy, biến đo lường CNTN2 của thang đo Cảm nhận tham nhũng không thuộc về nhân tố nào rõ ràng, khi các hệ số ràng buộc của chúng đều nhỏ hơn 0,5. Do đó, biến đo lường này đã được bỏ trong lần phân tích EFA lần thứ hai.

Kết quả phân tích EFA lần thứ hai với các biến đo lường còn lại: Hệ số KMO = 0,819 > 0,5 thỏa mãn yêu cầu thực hiện EFA; kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa Sig. = 0,000; hệ số Cumulative = 69,5% > 50%. Kết quả phân tích bằng phương

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ LẦN THỨ HAI

Biến quan sát	Nhân tố		
	1	2	3
TTDN1	0,683		
TTDN2	0,692		
TTDN3	0,706		
TTDN4		0,732	
TTDN5		0,713	
TTDN6		0,744	
CNTN1			0,702
CNTN3			0,754
CNTN4			0,865
CNTN5			0,862
CNTN6			0,767

BẢNG 4: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY TUYẾN TÍNH MÔ HÌNH 1

Nhân tố	Hệ số β	Kiểm định T	Mức ý nghĩa
Hệ số tự do	0,058	0,398	0,569
Cảm nhận tham nhũng	0,374	9,581	0,000
Xếp hạng của CSLT	0,083	1,630	0,172
Địa bàn kinh doanh	0,261	2,053	0,488

BẢNG 5: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY TUYẾN TÍNH MÔ HÌNH 2

Nhân tố	Hệ số β	Kiểm định T	Mức ý nghĩa
Hệ số tự do	0,080	0,226	0,135
Cảm nhận tham nhũng	0,414	9,792	0,001
Xếp hạng của CSLT	0,107	1,722	0,308
Địa bàn kinh doanh	0,453	2,183	0,326

Nguồn: tính toán từ dữ liệu khảo sát của tác giả, 2020

pháp rút trích Principal Components Analysis và phép xoay Varimax cho thấy, 3 nhân tố được rút ra từ 11 biến quan sát. Trọng số nhân tố hay hệ số tải nhân tố (factor loading), với các hệ số của các biến đều lớn hơn 0,5, nên các biến quan sát đều quan trọng trong các nhân tố (Bảng 3).

Kết quả EFA đã chỉ ra 3 biến, với 2 biến không có thay đổi về thành phần so với ban đầu. Hai biến không thay đổi là Đối mới sáng tạo và Chấp nhận rủi ro. Riêng biến thứ ba (Cảm nhận tham nhũng) bao gồm 5 biến quan sát. Kiểm tra độ tin cậy của thang đo sau

EFA, kết quả hệ số Cronbach's Alpha của biến này là 0,832. Như vậy, các thang đo này phù hợp để sử dụng cho các phân tích tiếp theo.

Phân tích hồi quy

Kết quả hồi quy (Bảng 4) cho thấy, tất cả hệ số phóng đại phương sai VIF đều trong điều kiện cho phép (nhỏ hơn 10). Hệ số Durbin-Watson của mô hình là 1,939 (nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5). Như vậy, mô hình này không có hiện tượng tự tương quan của các nhân tố. Kết quả phân tích cho thấy, mô hình này có mức ý nghĩa Sig. = 0,000, nên mô hình hồi quy này là có ý nghĩa với hệ số R² điều chỉnh = 0,706.

Kết quả phân tích có thể kết luận rằng, các biến kiểm soát không có ý nghĩa thống kê, bao gồm: Địa bàn kinh doanh và Xếp hạng của CSLT. Trong mô hình này, Cảm nhận tham nhũng có ảnh hưởng thuận chiều tới Tinh thần đổi mới sáng tạo của quản lý các CSLT với hệ số $\beta = 0,374$ (mức ý nghĩa Sig.= 0,000).

Ở mô hình hồi quy thứ 2 nhằm xem xét ảnh hưởng của Cảm nhận tham nhũng tới Tinh thần doanh nhân về Chấp nhận rủi ro, kết quả cũng chỉ ra rằng, các hệ số phóng đại phương sai VIF đều trong điều kiện chấp nhận được. Hệ số Durbin-Watson của mô hình là 1,807 (nằm trong khoảng cho phép). Như vậy, mô hình thứ 2 này không có hiện tượng tự tương quan của các nhân tố có mức ý nghĩa Sig. = 0,000, với hệ số R² điều chỉnh = 0,694. Điều này cho thấy, biến độc lập đưa vào chạy hồi quy ảnh hưởng 69,4% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Theo kết quả ở Bảng 5, Cảm nhận tham nhũng có ảnh hưởng thuận chiều tới Tinh thần chấp nhận rủi ro, với hệ số $\beta = 0,414$ (mức ý nghĩa Sig.= 0,001). Các

biến kiểm soát, gồm: Địa bàn kinh doanh và Xếp hạng của CSLT không có ý nghĩa thống kê trong mô hình này.

KẾT LUẬN

Kết quả phân tích cho thấy, Cảm nhận tham nhũng có tác động tới Tinh thần doanh nhân của đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các CSLT. Các hệ số trong mô hình hồi quy cho thấy, ảnh hưởng của Cảm nhận tham nhũng tới Tinh thần chấp nhận rủi ro mạnh mẽ hơn Tinh thần đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh hiện nay, kinh doanh dịch vụ lưu trú đang gặp rất nhiều khó khăn khi lượng khách sụt giảm mạnh, đồng thời với việc các dự án tăng quy mô số lượng CSLT phải tạm dừng, Tinh thần doanh nhân của họ càng có ý nghĩa quan trọng trong việc đầu tư, phát triển hoạt động kinh doanh của mình trong giai đoạn tới đây. Những cảm nhận tham nhũng tác động trực tiếp tới tinh thần đổi mới sáng tạo và dám chấp nhận rủi ro. Tác động thuận chiều có ý nghĩa thống kê trong 2 mô hình càng củng cố thêm một thực tế rằng, đội ngũ quản lý CSLT chấp nhận chi phí chính thức trong hoạt động của cơ sở mình, thì càng nỗ lực đổi mới, đương đầu với những rủi ro. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức
2. Dương Công Doanh (2018). Nghiên cứu ảnh hưởng của cảm nhận tham nhũng tới dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 257, 58-67
3. Beech, J., and Chadwick, S. (2006). *The business of tourism management*, England: FT Prentice Hall - Financial Time
4. Covin J. G., and Slevin D. P. (1989). Strategic management of small firms in hostile and benign environments, *Strategic Management Journal*, 10, 75-87
5. Hair J. F., Anderson, R. E., Tatham, R. L., and Black, W. C. (2018). *Multivariate data analysis 8th Edition*, Cengage Learning EMEA, London
6. Lumpkin, G. T., and Dess, G. G. (1996). Clarifying the Entrepreneurial Orientation Construct and Linking It to Performance, *Academy of Management Review*, 21, 135-172
7. Melgar, N. M., Rossi, M., and Smith, T. W. (2010). The perception of corruption, *International Journal of Public Opinion Research*, 22(1), 120-31
8. Miller, D. (1983). The Correlates of Entrepreneurship in Three Types of Firms, *Management Science*, 29, 770-791
9. Miller, D., and Friesen, P. (1982). Innovation in Conservative and Entrepreneurial Firms: Two Models of Strategic Momentum, *Strategic Management Journal*, 3, 1-25
10. Nunnally, J. C., and Bernstein, I. H. (1994). *The Assessment of Reliability*, *Psychometric Theory 3rd Edition*, New York: Mc Graw-Hill, NY
11. Traikova, D., Manolova, T.S., Mollers, J., and Buchenrieder, G. (2017). Corruption perceptions and entrepreneurial intentions in a transitional context-the case of rural Bulgaria, *Journal of Developmental Entrepreneurship*, 22(3), 1-17